

BIỆN CHỨNG CỦA QUÁ TRÌNH TIẾP THU, TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀO VIỆT NAM CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ RA ĐỜI NỀN TRIẾT HỌC MÁC XÍT Ở NƯỚC TA

NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Hồ Chí Minh là nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin và cũng là người Việt Nam đầu tiên trở thành người cộng sản chân chính, đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành thành viên của Quốc tế Cộng sản. Cùng với việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân quốc tế và phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh còn là người có công đầu tiên trong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, gieo hạt giống cộng sản và trực tiếp chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1. Hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trước sự suy yếu của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, thực dân Pháp đã đem quân xâm lược nước ta. Bọn vua quan phong kiến uơ hèn đã đầu hàng, bán nước cho thực dân Pháp, phản bội truyền

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quân sự.

thống yêu nước và phong trào đấu tranh chống quân xâm lược của nhân dân ta.

Ngay sau khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước Việt Nam, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống quân xâm lược. Các phong trào yêu nước, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta liên tiếp nổ ra, song đều thất bại, bị chìm trong biển máu. Có thể thấy, cho đến đầu thế kỷ XX, nước ta đã lâm vào tình cảnh khủng hoảng đường lối chính trị, phong trào đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân ta đã đi đến đường cùng, bế tắc. Tình hình đen tối không có đường ra.

Sống trong cảnh nước mất, nhà tan, lại được tận mắt chứng kiến sự thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, người thanh niên Nguyễn Tất Thành tuy rất khâm phục các bậc tiền bối, song Anh quyết định đi tìm con đường cứu nước mới. Anh đã sang châu Âu, đến các nước Anh, Pháp, nơi chủ nghĩa tư bản tự coi mình là có nền văn minh nhất để xem họ “làm ăn” thế nào rồi về cùng đồng bào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trải qua 10 năm bôn ba tìm đường cứu nước, thực tiễn hoạt động cách mạng đã đưa đến cho Nguyễn Tất Thành những nhận thức mới, Anh đã rút ra được những nhận xét, đánh giá, tìm thấy những “tinh hoa” tốt đẹp cần tiếp thu và cả những gì còn hạn chế cần phải khắc phục. Vì thế, tình cảm và ý thức giai cấp ở Anh từng bước được nảy nở, ý thức quốc tế ở Anh cũng được hình thành. Đó là hành trang cần thiết để Người tìm tòi và đến với chủ nghĩa Lênin. Năm 1920, Người đã đọc được Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đăng trên báo L'Humanite. Bản luận cương là lời giải đáp đầy đủ và thuyết phục nhất đối với những câu

hỏi, những thắc mắc mà bấy lâu Người trần trở, tìm tòi. Người viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên! Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”¹.

Từ đó, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Đây là kết quả tất yếu của 10 năm trời bôn ba tìm kiếm, phát hiện chứ không phải là sự tình cờ, sự may mắn “hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên” như một số người đã nói. Tin và đi theo chủ nghĩa Lênin là bước nhảy vọt về chất trong nhận thức của Người, là một sự kiện đặc biệt quan trọng có ý nghĩa quyết định con đường đi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và của cách mạng Việt Nam.

Với cương vị là Trưởng tiểu ban Đông Dương trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, trong nhiều hội nghị, mọi lúc, mọi nơi, có điều kiện là Người công khai phát biểu ý kiến để khẳng định vai trò tiên phong của lý luận Mác - Lênin và sự cần thiết phải tuyên truyền sâu rộng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và quần chúng nhân dân lao động; đồng thời kêu gọi Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế III Cộng sản cần quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Không dừng lại ở đó, Người đã tích cực cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, xuất bản lần thứ 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 10, tr. 127.

nước thuộc địa Pháp thành lập "*Hội liên hiệp thuộc địa*" và xuất bản báo La Paria (Người cùng khổ) do Người trực tiếp làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Với sự ra đời của tờ báo, công việc truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và các dân tộc thuộc địa của Người được thể hiện bằng một tổ chức, có nhiều người tham gia, sự lan toả và ảnh hưởng của tờ báo ở phạm vi rất rộng rãi. Tên và nội dung của tờ báo chứng tỏ tư tưởng giải phóng con người ở Hồ Chí Minh xuất hiện từ rất sớm và sâu sắc, được các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân các nước thuộc địa đón nhận, tin tưởng và đi theo.

Trong thời gian công tác ở Liên Xô (1923-1924), Hồ Chí Minh đã tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế thanh niên, Quốc tế Cứu quốc đỏ, Quốc tế Công hội đỏ..., sau đó vào học lớp bồi dưỡng tại Trường Đại học Phương Đông. Trong các Hội nghị, Người đã phát biểu ý kiến ca ngợi Lênin và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Đồng thời, Người đã để tâm nghiên cứu *Chính sách kinh tế mới của Lênin* và những bài học kinh nghiệm về tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước Xô Viết. Sau đó, Người đã viết tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* để tuyên truyền giá trị và ý nghĩa của của nghĩa Mác-Lênin và khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô. Tác phẩm này đã được tái bản và truyền bá rộng rãi ở Anh, Pháp, Nga và một số nước thuộc địa của Pháp. Cũng thời gian đó, Hồ Chí Minh đã viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tác phẩm chứa đựng nhiều quan điểm duy vật lịch sử, xuất bản ở Pháp năm 1925, để tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, nêu rõ nỗi thống khổ của nhân dân các thuộc địa; qua đó kêu gọi

Quốc tế Cộng sản giúp đỡ họ, chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng. Ngay sau đó, tác phẩm này đã được các thủy thủ của ta phục vụ trên các tàu buôn của Pháp chuyển về Việt Nam. Rất nhiều thanh niên Việt Nam biết tiếng Pháp đã đọc tác phẩm này và phổ biến cho nhiều người biết tội ác của thực dân Pháp.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc), ở đó Người đã sáng lập "*Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*", ra báo *Thanh niên* và mở lớp trực tiếp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Đọc cuốn *Đường Kách mệnh* của Người (1927), chúng ta thấy toát lên tư tưởng triết học duy vật lịch sử rất sâu sắc với hai nội dung cơ bản: Một là, khẳng định giá trị, ý nghĩa và sự cần thiết phải nghiên cứu, học tập lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Về điều này, Người viết: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin"¹; Hai là, con đường đi của cách mạng Việt Nam và nhiệm vụ của người làm cách mạng. Đó là những kết luận quan trọng, khẳng định một hướng đi hoàn toàn đúng đắn.

Có thể nói rằng thế giới quan và phương pháp luận Mác-Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết kinh nghiệm cách mạng thế giới và tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trong các Văn kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã cố gắng truyền bá những nội dung cốt lõi

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 268.

của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Các văn kiện đó đã trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

Ngoài ý nghĩa là truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, các bài nói, bài viết của Người đều thể hiện rõ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Tổng kết kinh nghiệm, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ, thắng lợi của chúng ta, trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác-Lênin. Người coi chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là "cái cảm nang" thần kỳ, là kim chỉ nam cho hành động, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vì lẽ đó, Người đánh giá rất cao công lao của Lenin đối với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa: Người viết: "Lenin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các dân tộc thuộc địa và phong trào cách mạng. Lenin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể có được". Trong bài "*Lenin và các dân tộc thuộc địa*", Hồ Chí Minh viết: "Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội. Lenin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta". Người khẳng định: Muốn sự nghiệp cách mạng thành công, nói tóm lại là phải làm theo chủ nghĩa Mác Khố Tư và Lenin.

Những điều Người nêu trên cũng là sự khẳng định giá trị

và ý nghĩa khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự cần thiết phải nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin đến mức nào. Tại sao sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của Người lại đạt hiệu quả đáng kính trọng như vậy? Nghiên cứu phương thức truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, các bài nói, bài viết của Người, chúng ta thấy ít khi Người trích dẫn nguyên văn câu viết, lời nói của C.Mác, của V.I.Lênin mà thường diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu, luôn phù hợp với trình độ nhận thức, hiểu biết của đồng bào. Đây là điểm đặc sắc trong phương pháp giáo dục, tuyên truyền lý luận Mác-Lênin của Người. Điều này không phải ai cũng có được những phẩm chất đặc biệt như lãnh tụ Hồ Chí Minh. Cái tinh túy mà Người có được là kết quả của một quá trình rèn dũa công phu, nghiêm túc. Có lẽ, Hồ Chí Minh là người duy nhất đến với chủ nghĩa Mác-Lênin với mục đích rõ ràng nhất "đi sang các nước Phương Tây, nơi có nền văn minh phát triển để xem họ "làm ăn" như thế nào, học tập kinh nghiệm của họ để đem về nước giúp đồng bào đấu tranh giải phóng dân tộc".

Hành trang Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là phẩm chất và trí tuệ mà người đã thấm thái từ tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây sau nhiều năm trải nghiệm và tích lũy. Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã thông thạo tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh... làm cho Người dễ dàng giao tiếp, quan hệ và lĩnh hội tri thức nhân loại, nhờ đó Người đã viết báo, viết sách, làm thơ bằng tiếng Hán, tiếng Anh, tiếng Pháp... Phải chăng đó chính là cội nguồn sức mạnh của việc tuyên truyền, sức lan toả nhanh nhạy và sâu rộng tư tưởng của Người đến các tầng lớp nhân dân ở các

nước thuộc địa. Theo logic của nó, các nguồn thông tin này không bất động mà theo nhiều con đường khác nhau, hoặc là trực tiếp, hoặc là gián tiếp, đã được lan truyền sang Việt Nam. Có thể khẳng định rằng, Hồ Chí Minh là biểu tượng của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa văn hoá tư tưởng phương Đông và phương Tây, nhuần nhuyễn giữa tiếp thu, truyền bá, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện mới; phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã thấm sâu vào tư tưởng của Người, nhuần nhuyễn đến mức khiến cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác -Lênin được thể hiện như là sự kết tinh tất cả những gì là tinh tuý nhất của 2 nền văn hoá phương Đông và phương Tây. Có lẽ vì thế mà sức mạnh truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin của Người đạt hiệu quả cao, dễ đi vào lòng người; được nhân dân đón nhận, tin tưởng và làm theo.

2. Tác động của việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Chủ nghĩa Mác-Lênin chính là nguồn gốc lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Nếu không có chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cũng chỉ là một nhà yêu nước như bao nhà yêu nước khác ở Việt Nam đầu thế kỷ XX: chung một khát vọng giải phóng đồng bào giành tự do, độc lập. Nếu không đọc được Luận cương của Lênin, chưa đến được với chủ nghĩa Lênin thì Hồ Chí Minh không thể tiếp thu và truyền bá lý luận khoa học Mác-Lênin vào Việt Nam và do đó không thể đặt nền móng cho tư tưởng triết học mácxít đâm chồi, nảy lộc và đơm hoa kết trái ở Việt Nam. Chính lý luận Mác - Lênin đã trang bị

cho Hồ Chí Minh thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng để Người tìm ra con đường cứu nước mới, đưa Người vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước cùng thời, khắc phục căn bản sự khủng hoảng về chính trị và sự bế tắc về đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, “gieo mầm cộng sản” ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Rõ ràng, chủ nghĩa Mác - Lênin là thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng, giúp Người tổng kết lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn, chọn lọc những gì là tinh túy nhất, cần thiết nhất để truyền bá vào Việt Nam; khơi nguồn, đắp móng cho tư tưởng Triết học đầu thế kỷ XX phát triển; khắc phục quan điểm duy tâm, tôn giáo thống trị xã hội ta thời đó.

Người Việt Nam tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, làm theo phương pháp luận mácxít, đúng như Hồ Chí Minh răn dạy: nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất “cốt lõi”, “linh hồn sống” của nó là phương pháp biện chứng và vận dụng lập trường, quan điểm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử vào cuộc sống để tìm ra những chủ trương, giải pháp, biện pháp phù hợp cho từng hoàn cảnh cụ thể để thực hiện mục đích cách mạng, chứ không phải tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin để thành lập trường phái triết học nọ, môn phái triết học kia và dựng lên các vấn đề triết học để bàn luận xa rời thực tiễn. Sự phát triển tư tưởng triết học mácxít ở Việt Nam đầu thế kỷ XX là kết quả tất yếu của quá trình xâm nhập và thẩm thấu chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; nhờ đó mà tư tưởng triết học Việt Nam đầu thế kỷ XX “lột xác”, trút bỏ “bộ quần áo thầy tu” khổ hạnh của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo, đi vào thực tiễn cách mạng, đóng vai trò kim chỉ nam cho hành động của

Đảng, soi sáng đường cho quần chúng nhân dân đấu tranh vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Có thể khẳng định rằng, sự xâm nhập và lan toả mạnh mẽ của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX là yếu tố đóng vai trò quyết định sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học mácxít - hạt nhân của hệ tư tưởng của giai cấp vô sản ở nước ta.

Công lao to lớn của Hồ Chí Minh trong việc đặt nền móng xây dựng nền triết học mácxít ở Việt Nam còn thể hiện ở chỗ, Người đã gắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh hoa tư tưởng, văn hoá của dân tộc Việt Nam và tư tưởng, văn hoá phương Đông làm triết lý nhân sinh chỉ đạo hành động. Rõ ràng, việc trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin cho đội ngũ cán bộ cốt cán ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã giúp họ vượt lên trên các nhà yêu nước tiền bối một cách có ý thức, để họ vượt qua biên giới của nước mình, hoà nhập vào cách mạng thế giới, sáng lập ra Đảng mácxít-lêninnít, đội tiên phong của giai cấp công nhân, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành tư tưởng triết học mácxít thời kỳ này chủ yếu là xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng. Tinh thần "biện chứng pháp" đã thể hiện sâu sắc trong các văn kiện, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng. Nghiên cứu các Văn kiện thành lập Đảng như *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ Đảng vắn tắt* do Hồ Chí Minh khởi thảo và

các Nghị quyết của Đảng ta soạn thảo từ năm 1930 đến trước Cách mạng tháng Tám, chúng ta thấy tất cả các văn kiện, nghị quyết của Đảng đều toát lên tinh thần của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Điều đáng tiếc là chưa có nhiều tác phẩm triết học nào do các tác giả Việt Nam viết và công bố trong thời gian này. Nhìn chung, sự khởi động đầu tiên của triết học Việt Nam đã diễn ra trong điều kiện, hoàn cảnh rất đặc biệt, kết quả tuy còn rất khiêm tốn, nhưng nó đã đặt nền móng cần thiết là xác lập và khẳng định thế giới quan và phương pháp luận khoa học ở nước ta, với tư cách là tạo tiền đề để ngành triết học ra mắt và phát triển sau Cách mạng tháng Tám, làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, là góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

Đúng vậy, chính sự ra đời và yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, củng cố, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thôi thúc ngành triết học và những người làm triết học Việt Nam bắt tay nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá một cách có hệ thống triết học Mác - Lênin và triết học nhân loại để nâng cao trình độ nhận thức, giải thích, biến đổi và cải tạo thế giới như Mác đã từng nói. Ý tưởng đã có, chương trình hành động đã được đặt ra. Tuy nhiên, sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta lại phải tiếp tục kháng chiến chống quân xâm lược Pháp để bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc. Do vậy, trong điều kiện chiến tranh, chúng ta chưa thể tiến hành nghiên cứu triết học một cách bài bản, có hệ thống và đạt hiệu quả cao. Song cũng đáng kể là sự xuất hiện một số tác phẩm triết học thời kỳ này. Đó là *Vũ trụ quan* của GS Trần Văn Giàu, viết 1948 (năm 1956, Đại học Sư phạm Hà Nội in lại, 293 trang);

cuốn *Duy vật lịch sử* của GS Trần Văn Giàu, xuất bản 1949, 244 trang, cuốn *Lịch sử triết học Phương Tây* của Giáo sư Đặng Thai Mai, xuất bản 1950. Dù còn ít ỏi, nhưng sự hiện diện của các tác phẩm này đã khẳng định kết quả bước đầu của quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Sau ngày hoà bình lập lại (1954), do yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, công tác nghiên cứu, giảng dạy, truyền bá triết học ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa được tiến hành đều đặn, có kế hoạch và được chỉ đạo thống nhất. Ngoài việc in và xuất bản các tác phẩm triết học như *Biện chứng pháp* của GS Trần Văn Giàu (1955), *Lịch sử triết học Mác* và *Lịch sử Tư tưởng triết học Mác* của GS Trần Đức Thảo thì sự kiện đáng chú ý là sự ra đời Khoa Triết học của trường Chính trị trung cao cấp quân đội tháng 6/1956 và sau đó là Khoa Triết học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Tổ Triết học thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước, nay là Viện Triết học, cùng với sự hình thành các bộ môn Mác-Lênin ở các trường đại học. Nhờ đó, việc nghiên cứu, giảng dạy, truyền bá triết học Mác - Lênin ngày càng bài bản hơn.

Để tạo tiền đề cho sự phát triển mới của nền triết học nước nhà, trong những năm 1960, Đảng và nhà nước ta đã chọn và gửi nhiều sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh đi học tập triết học ở các trường Đảng và trường Đại học ở Liên Xô, Trung Quốc. Nhiều người học xong đã về nước công tác, họ là nhân cốt thúc đẩy chuyên ngành triết học phát triển, đã thành lập nhiều Tổ triết học ở các trường cao đẳng, đại học. Sau khi Tổ quốc thống nhất (1975), Đảng, Nhà nước đã cho phép thành lập Khoa Triết học thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Khoa Triết học thuộc Trường Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh và nhiều bộ môn triết học ở các trường đại

học, cao đẳng khác. Đó là sự chuẩn bị nguồn rất cơ bản để vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, chúng ta bắt đầu đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ triết học.

Kể từ ngày chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam đến nay, sau gần 8 thập niên nhìn lại, chúng ta thật sự tự hào về sự phát triển của ngành triết học Việt Nam, có thể nói chúng ta đi từ không đến có. Hiện nay, chúng ta có hai Viện Triết học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và 7 khoa Triết học thuộc các Học viện Chính trị quân sự, Học viện Chính trị Quốc gia khu vực phía Bắc, khu vực miền Trung (Đà Nẵng), khu vực phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế và nhiều bộ môn triết học thuộc các trường Đại học, Cao đẳng; chúng ta có Tạp chí chuyên ngành: *Tạp chí Triết học* và nhiều tạp chí liên ngành. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên ngành triết học ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, đội ngũ GS, PGS, thạc sĩ, tiến sĩ triết học ngày càng đông, mỗi năm chúng ta đào tạo khoảng 500 cử nhân triết học. Điều đáng mừng là trong chương trình giảng dạy của các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, môn triết học (gồm lịch sử triết học, duy vật biện chứng, duy vật lịch sử) có vị trí rất quan trọng, chiếm một khoảng thời gian khá lớn 4-6 đơn vị học trình, bằng 60-90 tiết, ngoài ra các môn lôgic, tôn giáo và chủ nghĩa vô thần khoa học, mỹ học, đạo đức học, triết học trong khoa học tự nhiên... đã và đang được đưa vào giảng dạy ở hầu hết các trường đại học, cao đẳng... Hàng năm, có hàng trăm luận văn tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án

tiến sĩ triết học được bảo vệ thành công, có hàng chục đầu sách triết học được xuất bản...

Có thể khẳng định rằng, việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng quyết định sự ra đời của ngành triết học Việt Nam hiện đại - triết học Mác-Lênin cũng như nhiều ngành khoa học khác, đúng như Người khẳng định: chúng ta giành được nhiều thắng lợi trước hết là nhờ các vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin ở Việt Nam cũng không nằm ngoài đặc điểm có tính quy luật đó.

Sự ra đời và phát triển của Triết học ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã góp phần giúp nhân dân Việt Nam hiểu biết sâu sắc hơn chủ nghĩa Mác-Lênin; hơn thế, triết học đã và đang nghiên cứu, tổng kết, giải đáp những vấn đề do thực tiễn đặt ra, cung cấp các luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chính sách, thực hiện thành công Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi và ngày nay đang thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, bình đẳng và văn minh; tích cực tham gia trên mặt trận đấu tranh tư tưởng, lý luận, chống các quan điểm sai trái, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Triết học đã và đang góp phần đắc lực làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và cách mạng Việt Nam.